

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH



ĐẠI HỌC
HÒA BÌNH

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 668/QĐ-ĐHQB ngày 25 tháng 07 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)*

Tên chương trình : Luật kinh tế (định hướng ứng dụng)
Trình độ đào tạo : Thạc sĩ
Ngành đào tạo : Luật kinh tế
Mã số : 8380107
Loại hình đào tạo : Chính quy

HÀ NỘI, 2024

Số: 668/QĐ-ĐHHB

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế
trình độ thạc sĩ năm 2024 theo định hướng ứng dụng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 28/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 16/2024/QĐ-HĐT ngày 28/5/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-HĐT ngày 01/10/2020 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 19/7/2024 về việc Thông qua chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo điều chỉnh từ năm 2024 trở đi;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo (kèm theo bản mô tả chương trình đào tạo và bộ đề cương chi tiết học phần) ngành Luật kinh tế đào tạo theo định hướng ứng dụng, trình độ thạc sĩ năm 2024 theo định hướng ứng dụng, mã số 8380107.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2024 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trưởng khoa Luật, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT HĐT (để b/c);
- Các Phó HT;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.



NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH



MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 668/QĐ-ĐHQB ngày 25 tháng 07 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)*

Tên chương trình : Luật kinh tế (định hướng ứng dụng)
Trình độ đào tạo : Thạc sĩ
Ngành đào tạo : Luật kinh tế
Mã số : 8380107
Loại hình đào tạo : Chính quy

HÀ NỘI, 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung	3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hòa Bình.....	3
2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Hòa Bình	9
2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	9
3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	10
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA HỌC VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP	14
5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	14
5.1. Đối sánh Chương trình đào tạo trong nước.....	14
6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	29
6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo	29
6.2. Danh sách học phần.....	31
6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT.....	33
6.4. Kế hoạch dạy học	35
6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá.....	38
7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN.....	39
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	52
8.1. Những căn cứ xây dựng và phát triển CTĐT:	52
8.2. Hướng dẫn học viên định hướng hoàn thành chương trình:.....	53
8.3. Trách nhiệm của Bộ môn/Khoa/Trường	53
8.4. Trách nhiệm của giảng viên/quản lý lớp, học viên	54

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.2. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Luật kinh tế
 - + Tên tiếng Anh: Economic Law
- Mã ngành đào tạo: 8380107
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 24 tháng
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Luật kinh tế
 - + Tiếng Anh: Master of economic law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Hòa Bình
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
 - + Đối tượng tuyển sinh: Đáp ứng các tiêu chí theo Đề án tuyển sinh Đại học của trường Đại học Hòa Bình.
 - + Phương thức tuyển sinh:
- Chuẩn đầu vào:
- Điều kiện tốt nghiệp:
 - a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
 - b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
 - c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hòa Bình

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hòa Bình là Chất lượng – Hội nhập – Sáng tạo.

Chất lượng là đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và các chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; lấy chất lượng để xây dựng uy tín của Nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục để người học "học thật, thi thật, chất lượng thật".

Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ mới, cách tiếp cận dạy, học và kỹ năng quản trị đại học tiên tiến trong và ngoài nước nhằm liên tục nâng cao chất lượng.

Sáng tạo là có phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh với thị trường lao động và việc làm luôn biến động trong xã hội, để người học trở thành "nhân tài thật".

Triết lý giáo dục đó của Trường Đại học Hòa Bình được chuyển tải một cách cụ thể vào chương trình đào tạo và được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1 Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hòa Bình được chuyển tải vào chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Thạc sĩ Luật Kinh tế			Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hòa Bình		
			Chất lượng	Hội nhập	Sáng tạo
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức Chung	Triết học , phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Thực hành Luật tài sản trong kinh doanh, Tư vấn pháp luật về hợp đồng, Pháp luật về hoạt động thương mại, Luật So sánh, <i>Pháp luật về chủ thể kinh doanh, Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng trong kinh tế thị trường, Pháp luật về sở hữu trí tuệ.</i>	x	x	x
	Khối kiến thức chuyên ngành	Thực hiện pháp luật lao động và an sinh xã hội của doanh nghiệp, Áp dụng pháp luật về đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh, Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, Tư vấn pháp luật tài chính, ngân hàng, Pháp luật hình sự kinh tế, Pháp luật hội nhập kinh tế quốc tế, Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, Pháp luật về thương mại điện tử.	x	x	x
	Đề án tốt nghiệp		x	x	x
Hoạt động ngoại khóa (<i>Liệt kê các hoạt động ngoại khóa</i>)	Câu lạc bộ diễn án, tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp	Khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành.	x	x	x
Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	PLO1.1	Tổng hợp được kiến thức có tính logic, toàn diện về pháp luật, quản lý, môi	x	x	x

		trường pháp lí kinh doanh, thực tiễn kinh doanh trong và ngoài nước trên cơ sở kiến thức chung.			
	PLO1.1.1	<i>Tổng hợp các kiến thức triết học trong phân tích hệ thống pháp luật và những tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn để giải quyết trong các tình huống có tính quy luật và không có tính quy luật, khó dự báo.</i>	X	X	X
	PLO1.1.2	<i>Tổng hợp các kiến thức về nghiên cứu khoa học pháp lý trong nghiên cứu kiến thức nền tảng về luật kinh tế để tiếp tục tự học tập, học tập suốt đời. Có kiến thức phản biện, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.</i>	X	X	X
	PLO1.1.3	<i>Tổng hợp các kiến thức về luật so sánh trong so sánh giữa lý thuyết về luật kinh tế và thực tiễn ở Việt Nam, giữa luật kinh tế ở Việt Nam với pháp luật nước ngoài áp dụng trong các quan hệ kinh tế có yếu tố nước ngoài và tư vấn để hoàn thiện luật kinh tế Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.</i>	X	X	X
	PLO1.2	<i>Tổng hợp được những kiến thức cơ sở ngành về luật kinh tế để giải quyết được những yêu cầu đặt ra trong quản lý và thực hiện các hoạt động kinh tế.</i>	X	X	X
	PLO1.2.1	<i>Tổng hợp được những kiến thức pháp luật về: chủ thể kinh doanh, tài sản trong kinh doanh,</i>	X	X	X

		<i>hoạt động thương mại, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, cạnh tranh, ... để nghiên cứu chuyên ngành luật kinh tế.</i>			
	PLO1.2.2	<i>Phân tích được những kiến thức cơ sở ngành phù hợp trong hệ thống pháp luật để giải quyết được những tình huống pháp lý phát sinh trong nền kinh tế trong và ngoài nước và quản lý kinh tế.</i>	x	x	x
	PLO1.3	<i>Đánh giá được thực trạng hệ thống pháp luật chuyên ngành để giải quyết các yêu cầu trong thực tiễn thực hiện pháp luật, đề xuất những giải pháp hoàn thiện luật kinh tế và nâng cao hiệu quả thực hiện trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.</i>	x	x	x
	PLO1.3.1	<i>Đánh giá được thực trạng hệ thống pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng, tài chính, ngân hàng, đất đai, môi trường, thuế, kinh doanh chứng khoán, kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, phá sản, ...</i>	x	x	x
	PLO1.3.2	<i>Sáng tạo trong việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện luật kinh tế và nâng cao hiệu quả thực hiện trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.</i>	x	x	x
	PLO2.1	<i>Thành thạo giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp trong thực tiễn hoạt động kinh tế</i>	x	x	x

	PLO2.1.1	<i>Kết hợp được lý thuyết chuyên sâu về luật kinh tế với bản chất của quan hệ kinh tế để giải quyết những vấn đề phức tạp trong thực tiễn hoạt động kinh tế</i>	X	X	X
	PLO2.1.2	<i>Thành thạo trong lựa chọn, thực hiện chính xác, hiệu quả các quy phạm pháp luật kinh tế trong thực tiễn quản lý và hoạt động kinh tế.</i>	X	X	X
	PLO2.1.3	<i>Thành thạo kỹ năng cung cấp dịch vụ pháp lý, tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực kinh tế có nhiều biến động.</i>	X	X	X
	PLO2.1.4	<i>Thành thạo kỹ năng hỗ trợ, kỹ năng mềm cần thiết cho việc thực hành luật kinh tế</i>	X	X	X
	PLO2.2	<i>Sáng tạo kỹ năng đề xuất giải pháp hoàn thiện những nội dung luật kinh tế còn bất cập trên cơ sở đánh giá toàn diện hệ thống luật kinh tế.</i>	X	X	X
	PLO2.2.1	<i>Sáng tạo kỹ năng trong đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về đất đai, môi trường, tài chính, ngân hàng, kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, ...phù hợp với tiến trình phát triển nền kinh tế.</i>	X	X	X
	PLO2.2.2	<i>Sáng tạo kỹ năng trong đề xuất quy trình xây dựng, hoàn thiện luật kinh tế, khắc phục những bất cập trong các quy định hiện hành điều chỉnh các quan hệ kinh tế.</i>	X	X	X

	PLO2.3	Sáng tạo kỹ năng độc lập nghiên cứu khoa học pháp lý để tiếp tục tự đào tạo, phát triển năng lực cá nhân.	x	x	x
	PLO2.3.1	Sáng tạo kỹ năng đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực luật kinh tế trên cơ sở đánh giá toàn diện về pháp luật và thực hiện luật kinh tế trong quản lý, hoạt động kinh tế.	x	x	x
	PLO2.3.2	Sáng tạo kỹ năng tư duy phản biện trên nền khoa học luật kinh tế và khoa học kinh tế để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.	x	x	x
	PLO3.1	Thể hiện được ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức khoa học, tự chủ, chịu trách nhiệm, ứng xử chuyên nghiệp phù hợp trong hoạt động chuyên môn. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân phù hợp với nhiều vị trí việc làm trong lĩnh vực luật kinh tế.	x	x	x
	PLO3.2	Tổ chức làm việc độc lập với làm việc tập thể trong những điều kiện, môi trường biến động. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, với xã hội về các hoạt động tư vấn, thực hành luật kinh tế.	x	x	x
	PLO3.3	Tổ chức dẫn dắt về mặt chuyên môn và khả năng phát huy trí tuệ tập thể tại nơi làm việc để xử lý những vấn đề thực tiễn từ đơn giản đến phức tạp	x	x	x

		một cách hiệu quả; Sản sàng chủ động dự báo xu hướng phát triển của nền kinh tế, của luật kinh tế để thực hiện trách nhiệm đối với các đề xuất.			
--	--	--	--	--	--

2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Hòa Bình

2.2.1. Tầm nhìn

Đến năm 2045 trở thành một Đại học đa ngành, đa lĩnh vực hàng đầu của Việt Nam, có thứ hạng cao trong hệ thống giáo dục đại học khu vực và toàn cầu; là trung tâm xuất sắc về đào tạo công nghệ cao, khoa học sức khỏe, kinh tế số, phát triển bền vững; là trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín trong nước và quốc tế.

2.2.2. Sứ mạng

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có nền tảng kiến thức vững chắc, có năng lực đổi mới sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc toàn cầu, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội và toàn nhân loại, góp phần xây dựng Việt Nam phồn vinh, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các lĩnh vực khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Mở rộng hợp tác quốc tế với các trường đại học hàng đầu của thế giới và khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và quốc tế.

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Đào tạo kiến thức lý luận chuyên sâu, toàn diện và kiến thức thực tế ở mức độ làm chủ kiến thức về luật kinh tế; Có tư duy pháp lý mang tính hệ thống, kỹ năng phản biện để nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh từ thực tiễn công tác liên quan tới ngành luật kinh tế; có kỹ năng nghiên cứu phát triển để đổi mới, hoàn thiện luật kinh tế; kỹ năng truyền bá, phổ biến, giáo dục luật kinh tế, khả năng tự định hướng, thích nghi môi trường nghề nghiệp thay đổi; khả năng hướng dẫn, tư vấn cho người khác thực hiện Luật kinh tế và quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề luật.

Bên cạnh đó, chương trình còn có mục tiêu cung cấp những kiến thức nền tảng cần thiết để người học có thể tự học tập, học tập suốt đời hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

Mục tiêu cụ thể

PO1. Có tư duy logic giữa những vấn đề pháp lý với yêu cầu của thực tiễn trên cơ sở có kiến thức nâng cao về triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học và luật so sánh.

PO2. Có kiến thức sâu, rộng, tiên tiến và kiến thức thực tiễn về luật kinh tế, về môi trường pháp lý kinh doanh trong và ngoài nước và các lĩnh vực kinh tế.

PO3. Có kiến thức, kỹ năng để phản biện, giải quyết vấn đề pháp lý và thực hành thành thạo trong tư vấn, thực hiện các tình huống pháp lý phát sinh trong và ngoài nước. Có kiến thức, kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo đồng thời có khả năng lãnh đạo, làm việc nhóm một cách có hiệu quả.

PO4. Có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh pháp luật góp phần xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật kinh tế và cải tiến quá trình thực hiện luật kinh tế.

PO5. Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ, năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm và định hướng phát triển nghề nghiệp.

PO6. Có năng lực tổ chức, trung thực và chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật, góp phần vào quá trình hình thành và phát triển văn hóa pháp lý.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mô tả Chuẩn đầu ra	Mức năng lực
<i>Kiến thức (PLO1)</i>		
PLO1.1	Tổng hợp được kiến thức có tính logic, toàn diện về pháp luật, quản lý, môi trường pháp lí kinh doanh, thực tiễn kinh doanh trong và ngoài nước trên cơ sở kiến thức chung.	K4
PLO1.1.1	<i>Tổng hợp các kiến thức triết học trong phân tích hệ thống pháp luật và những tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn để giải quyết trong các tình huống có tính quy luật và không có tính quy luật, khó dự báo.</i>	K4
PLO1.1.2	<i>Tổng hợp các kiến thức về nghiên cứu khoa học pháp lý trong nghiên cứu kiến thức nền tảng về luật kinh tế để tiếp tục tự học tập, học tập suốt đời. Có kiến thức phản biện, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.</i>	K4
PLO1.1.3	<i>Tổng hợp các kiến thức về luật so sánh trong so sánh giữa lý thuyết về luật kinh tế và thực tiễn ở Việt Nam, giữa luật kinh tế ở Việt Nam với pháp luật nước ngoài áp dụng trong các quan hệ kinh tế có yếu tố nước ngoài và tư vấn để hoàn thiện luật kinh tế Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.</i>	K4
PLO1.2	Tổng hợp được những kiến thức cơ sở ngành về luật kinh tế để giải quyết được những yêu cầu đặt ra trong quản lý và thực hiện các hoạt động kinh tế.	K4
PLO1.2.1	<i>Tổng hợp được những kiến thức pháp luật về: chủ thể kinh doanh, tài sản trong kinh doanh, hoạt động thương mại, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, cạnh tranh, ... để nghiên cứu chuyên ngành luật kinh tế.</i>	K4
PLO1.2.2	<i>Phân tích được những kiến thức cơ sở ngành phù hợp trong hệ thống pháp luật để giải quyết được những tình huống pháp lý phát sinh trong nền kinh tế trong và ngoài nước và quản lý kinh tế.</i>	K4

PLO1.3	Đánh giá được thực trạng hệ thống pháp luật chuyên ngành để giải quyết các yêu cầu trong thực tiễn thực hiện pháp luật, đề xuất những giải pháp hoàn thiện luật kinh tế và nâng cao hiệu quả thực hiện trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.	K5
PLO1.3.1	Đánh giá được thực trạng hệ thống pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng, tài chính, ngân hàng, đất đai, môi trường, thuế, kinh doanh chứng khoán, kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, phá sản, ...	K5
PLO1.3.2	Sáng tạo trong việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện luật kinh tế và nâng cao hiệu quả thực hiện trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.	K5
Kỹ năng (PLO2)		
PLO2.1	Thành thạo giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp trong thực tiễn hoạt động kinh tế	S4
PLO2.1.1	Kết hợp được lý thuyết chuyên sâu về luật kinh tế với bản chất của quan hệ kinh tế để giải quyết những vấn đề phức tạp trong thực tiễn hoạt động kinh tế	S4
PLO2.1.2	Thành thạo trong lựa chọn, thực hiện chính xác, hiệu quả các quy phạm pháp luật kinh tế trong thực tiễn quản lý và hoạt động kinh tế.	S4
PLO2.1.3	Thành thạo kỹ năng cung cấp dịch vụ pháp lý, tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực kinh tế có nhiều biến động.	S4
PLO2.1.4	Thành thạo kỹ năng hỗ trợ, kỹ năng mềm cần thiết cho việc thực hành luật kinh tế	S4
PLO2.2	Sáng tạo kỹ năng đề xuất giải pháp hoàn thiện những nội dung luật kinh tế còn bất cập trên cơ sở đánh giá toàn diện hệ thống luật kinh tế.	S5
PLO2.2.1	Sáng tạo kỹ năng trong đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về đất đai, môi trường, tài chính, ngân hàng, kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, ...phù hợp với tiến trình phát triển nền kinh tế.	S5
PLO2.2.2	Sáng tạo kỹ năng trong đề xuất quy trình xây dựng, hoàn thiện luật kinh tế, khắc phục những bất cập trong các quy định hiện hành điều chỉnh các quan hệ kinh tế.	S5
PLO2.3	Sáng tạo kỹ năng độc lập nghiên cứu khoa học pháp lý để tiếp tục tự đào tạo, phát triển năng lực cá nhân.	S5

PLO2.3.1	<i>Sáng tạo kỹ năng đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực luật kinh tế trên cơ sở đánh giá toàn diện về pháp luật và thực hiện luật kinh tế trong quản lý, hoạt động kinh tế.</i>	S5
PLO2.3.2	<i>Sáng tạo kỹ năng tư duy phản biện trên nền khoa học luật kinh tế và khoa học kinh tế để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.</i>	S5
<i>Mức tự chủ và trách nhiệm(PLO3)</i>		
PLO3.1	Thể hiện được ý thức tổ chức kỉ luật, đạo đức khoa học, tự chủ, chịu trách nhiệm, ứng xử chuyên nghiệp phù hợp trong hoạt động chuyên môn. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân phù hợp với nhiều vị trí việc làm trong lĩnh vực luật kinh tế.	A4
PLO3.2	Tổ chức làm việc độc lập với làm việc tập thể trong những điều kiện, môi trường biến động. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, với xã hội về các hoạt động tư vấn, thực hành luật kinh tế.	A4
PLO3.3	Tổ chức dẫn dắt thực hiện chuyên môn và phát huy trí tuệ tập thể tại nơi làm việc để xử lý những vấn đề thực tiễn từ đơn giản đến phức tạp một cách hiệu quả; Sẵn sàng chủ động dự báo xu hướng phát triển của nền kinh tế, của luật kinh tế để thực hiện trách nhiệm đối với các đề xuất.	A4

Bảng 2 Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
	1.1			1.2			1.3			2.1			2.2			2.3		3.1
	1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.3.1	2.3.2	3.1.1	3.1.2
PO1	x		x															
PO2		x		x														
PO3						x	x	x										
PO4									x				x					
PO5														x				
PO6															x			

Bảng 3 Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 7

TT	Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1.1	x	x										
PLO1.1.1	x											
PLO1.1.2	x											
PLO1.1.3	x	x										
PLO1.2	x											
PLO1.2.1	x											
PLO1.2.2	x											
PLO1.3	x											

PLO1.3.1	x																					
PLO1.3.2	x																					
PLO2.1			x																			
PLO2.1.1			x																			
PLO2.1.2			x	x																		
PLO2.1.3										x												
PLO2.1.4										x												
PLO2.2																						
PLO2.2.1																						
PLO2.2.2																						
PLO2.3																						
PLO2.3.1																						
PLO2.3.2																						
PLO3.1																						
PLO3.2																					x	
PLO3.3																						x

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA HỌC VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Người học tốt nghiệp Chương trình đào tạo tạo ra các chuyên gia Luật Kinh tế có năng lực nghề nghiệp đảm nhận những công việc ở các vị trí sau:

- Chuyên viên tư vấn pháp luật;
- Chuyên viên thực hiện dịch vụ pháp lý tại các tổ chức dịch vụ pháp luật;
- Làm việc tại các văn phòng luật sư;
- Chuyên viên lập pháp, hành pháp, tư pháp trong các cơ quan Nhà nước;
- Nghiên cứu, giảng dạy về pháp luật kinh tế;

5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hướng dẫn: Trình bày kết quả đối sánh CTĐT này với ít nhất 03 CTĐT khác (01 CTĐT khác (01 CTĐT quốc tế, 02 CTĐT trong nước).

5.1. Đối sánh Chương trình đào tạo trong nước

STT	Tiêu chí	Trường Đại học Hòa Bình	Trường Đại học Luật Hà Nội	Trường Đại học Thành Đông
1	Thời gian đào tạo	18 – 24 tháng	24 tháng	18 – 24 tháng
2	Hình thức đào tạo	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Trực tiếp kết hợp trực tuyến	Trực tiếp kết hợp trực tuyến
	Phương thức tuyển sinh	Thi tuyển, xét tuyển và kết hợp thi tuyển với xét tuyển theo quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hòa Bình.		
3	Mục tiêu đào tạo			
3.1	Mục tiêu chung	- Đào tạo kiến thức lý luận chuyên sâu, toàn diện và kiến thức thực tế ở mức độ làm chủ kiến thức về luật kinh tế; Có tư duy pháp lý mang tính hệ thống, kỹ năng phân biện để nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh từ thực tiễn công tác liên quan tới ngành luật kinh tế; có kỹ năng nghiên cứu phát triển để đổi mới, hoàn thiện luật kinh tế; kỹ năng truyền bá, phổ biến, giáo dục luật kinh tế, khả năng tự định hướng, thích nghi môi	- Đào tạo nhân lực pháp luật chất lượng cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học pháp lý tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. - Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề luật, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng	

		<p>trường nghề nghiệp thay đổi; khả năng hướng dẫn, tư vấn cho người khác thực hiện Luật kinh tế và quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề luật.</p> <p>- Bên cạnh đó, chương trình còn có mục tiêu cung cấp những kiến thức nền tảng cần thiết để người học có thể tự học tập, học tập suốt đời hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.</p>	<p>với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng tự học, sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân.</p> <p>- Đào tạo người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên sâu để vận dụng và giải quyết được các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực pháp luật góp phần thiết thực vào thực hiện sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao của Trường Đại học Luật Hà Nội.</p>	
3.2	Mục tiêu cụ thể	<p>PO1. Có tư duy logic giữa những vấn đề pháp lý với yêu cầu của thực tiễn trên cơ sở có kiến thức nâng cao về triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học và luật so sánh.</p> <p>PO2. Có kiến thức sâu, rộng, tiến tiến và kiến thức thực tiễn về luật kinh tế, về môi trường pháp lí kinh doanh trong và ngoài nước và các lĩnh vực kinh tế.</p> <p>PO3. Có kiến thức, kỹ năng để phân biện, giải quyết vấn đề pháp lý và thực hành thành thạo trong tư vấn, thực hiện các tình</p>	<p>- Trang bị cho người học kiến thức khoa học xã hội cơ bản; kiến thức khoa học pháp lý nền tảng; các kiến thức lý thuyết và thực tiễn ứng dụng pháp luật kinh tế trong công việc và đời sống xã hội; các kiến thức liên ngành có liên quan, các kiến thức về quản trị, quản lý.</p> <p>- Trang bị cho người học kỹ năng áp dụng pháp luật kinh tế trong thực tiễn hành nghề luật phục vụ hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật và các công việc nghề nghiệp liên quan; các kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng quản trị, quản lý; có trình độ ngoại ngữ tốt để phục vụ các hoạt</p>	

		<p>huống pháp lý phát sinh trong và ngoài nước. Có kiến thức, kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo đồng thời có khả năng lãnh đạo, làm việc nhóm một cách có hiệu quả.</p> <p>PO4. Có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, so sánh pháp luật góp phần xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật kinh tế và cải tiến quá trình thực hiện luật kinh tế.</p> <p>PO5. Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ, năng lực tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm và định hướng phát triển nghề nghiệp.</p> <p>PO6. Có năng lực tổ chức, trung thực và chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật, góp phần vào quá trình hình thành và phát triển văn hóa pháp lý.</p>	<p>động nghiên cứu, học tập và công việc chuyên môn.</p> <p>- Giúp cho người học có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế.</p> <p>- Giúp người học có phẩm chất, thái độ, trách nhiệm xã hội, văn hóa tinh thần vì cộng đồng; có phẩm chất đạo đức và đạo đức nghề nghiệp tốt.</p>	
4	Chuẩn đầu vào	<p>Người tốt nghiệp trình độ đại học có ngành ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển, cụ thể về điều kiện văn bằng:</p> <p>Điều kiện văn bằng</p> <p>a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại</p>	<p>- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển ở trình độ thạc sỹ, bao gồm các ngành: ngành Luật, ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính, ngành</p>	

	<p>học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp được ban hành trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (<i>Có danh mục ngành phù hợp được xét tuyển theo từng ngành đào tạo kèm theo</i>);</p> <p>b) Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học tại trường Đại học Hòa Bình có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy đến thời điểm nộp hồ sơ xét loại khá trở lên và ngành đang học đại học là ngành phù hợp với ngành hiện đang đào tạo thạc sĩ, có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ;</p> <p>c) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.</p> <p>Điều kiện về ngoại ngữ</p> <p>Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam thể hiện qua một trong các văn bằng, chứng chỉ khi nộp hồ sơ dự tuyển:</p> <p>a) Bằng tốt nghiệp trình độ</p>	<p>Luật Dân sự và Tố tụng dân sự, ngành Luật Hình sự và Tố tụng hình sự, ngành Luật Kinh tế, ngành Luật Quốc tế, ngành Luật Thương mại quốc tế, ngành Luật Kinh doanh và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường ĐH Luật HN chấp nhận.</p> <p>- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với thí sinh là công dân nước ngoài, phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt.</p> <p>- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.</p> <p>- Có đủ sức khỏe để học tập</p> <p>- Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Trường.</p>	
--	--	--	--

		<p>đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;</p> <p>b) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;</p> <p>c) Trường hợp thí sinh chưa đủ điều kiện về văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định phải thi đánh giá năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường Đại học Hòa Bình.</p> <p><i>Điều kiện về lý lịch</i></p>		
--	--	--	--	--

		<p>Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.</p> <p>Điều kiện về sức khỏe</p> <p>Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, Trường Đại học Hòa Bình sẽ xem xét, quyết định tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu.</p> <p>Điều kiện khác:</p> <p>Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, theo quy định của chương trình đào tạo và tình hình thực tiễn tuyển sinh tại Trường Đại học Hòa Bình.</p>		
5	Chuẩn đầu ra	<p>Kiến thức</p> <p>PLO1: Tổng hợp được kiến thức có tính logic, toàn diện về pháp luật, quản lý, môi trường pháp lý kinh doanh, thực tiễn kinh doanh trong và ngoài nước trên cơ sở</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- K1: Kiến thức thực tế và lý thuyết về các học thuyết cơ bản của triết học; kiến thức về phân tích luật và tư duy pháp lý hiện đại; kiến thức về kinh tế học pháp luật, xã hội học</p>	

	<p>kiến thức chung.</p> <p>PLO1.1: Tổng hợp các kiến thức triết học trong phân tích hệ thống pháp luật và những tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn để giải quyết trong các tình huống có tính quy luật và không có tính quy luật, khó dự báo.</p> <p>PLO1.2: Tổng hợp các kiến thức về nghiên cứu khoa học pháp lý trong nghiên cứu kiến thức nền tảng về luật kinh tế để tiếp tục tư học tập, học tập suốt đời. Có kiến thức phân biện, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.</p> <p>PLO1.3: Tổng hợp các kiến thức về luật so sánh trong so sánh giữa lý thuyết về luật kinh tế và thực tiễn ở Việt Nam, giữa luật kinh tế ở Việt Nam với pháp luật nước ngoài áp dụng trong các quan hệ kinh tế có yếu tố nước ngoài và tư vấn để hoàn thiện luật kinh tế Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>PLO2: Tổng hợp được những kiến thức cơ sở ngành về luật kinh tế để giải quyết được những</p>	<p>pháp luật.</p> <p>- K2: Kiến thức lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến và kiến thức liên ngành về áp dụng pháp luật kinh tế (bao gồm lĩnh vực thương mại, tài chính – ngân hàng, lao động, đất đai, kinh doanh bất động sản, môi trường, cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.</p> <p>- K3: Kiến thức ứng dụng trong thực tế thực hành pháp luật thương mại, lao động, tài chính – ngân hàng, đất đai, kinh doanh bất động sản, môi trường, cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.</p> <p>- K4: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.</p> <p>Kỹ năng</p> <p>S1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về lĩnh vực pháp luật kinh tế để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn một cách hợp pháp và hiệu quả</p> <p>S2: Kỹ năng truyền đạt tri thức về ứng dụng pháp luật kinh tế dựa trên kết quả nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn với người cùng ngành và với những người khác.</p> <p>S3: Kỹ năng tổ chức, quản trị, quản lý và các kỹ năng mềm khác</p> <p>S4: Kỹ năng phân tích, tổng hợp và</p>
--	--	--

		<p>yêu cầu đặt ra trong quản lý và thực hiện các hoạt động kinh tế.</p> <p>PLO2.1: Tổng hợp được những kiến thức pháp luật về: chủ thể kinh doanh, tài sản trong kinh doanh, hoạt động thương mại, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, cạnh tranh, ... để nghiên cứu chuyên ngành luật kinh tế.</p> <p>PLO2.2: Phân tích được những kiến thức cơ sở ngành phù hợp trong hệ thống pháp luật để giải quyết được những tình huống pháp lý phát sinh trong nền kinh tế trong và ngoài nước và quản lý kinh tế.</p> <p>PLO3: Đánh giá được thực trạng hệ thống pháp luật chuyên ngành để giải quyết các yêu cầu trong thực tiễn thực hiện pháp luật, đề xuất những giải pháp hoàn thiện luật kinh tế và nâng cao hiệu quả thực hiện trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>PLO3.1: Đánh giá được thực trạng hệ thống pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng, tài chính, ngân hàng, đất đai, môi trường, thuế, kinh</p>	<p>sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn một cách hiệu quả.</p> <p>S5: Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p> <p>Mức độ năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>T1: Khả năng nghiên cứu, phân tích tình huống để ứng dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế.</p> <p>T2: Khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, cập nhật kiến thức và thực tiễn về ứng dụng lĩnh vực pháp luật kinh tế.</p> <p>T3: Khả năng phối hợp làm việc tập thể và hướng dẫn người khác thực hành nghề luật trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.</p> <p>T4: Khả năng đưa ra những đề xuất, tư vấn mang tính chuyên gia để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.</p> <p>T5: Khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến để nâng cao hiệu quả hành nghề trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.</p> <p>Năng lực nghề nghiệp của người</p>
--	--	---	--

	<p>doanh chứng khoán, kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, phá sản, ...</p> <p>PL03.2:Sáng tạo trong việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện luật kinh tế và nâng cao hiệu quả thực hiện trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>Kỹ năng</p> <p>PL04:Thành thạo giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp trong thực tiễn hoạt động kinh tế</p> <p>PL04.1: Kết hợp được lý thuyết chuyên sâu về luật kinh tế với bản chất của quan hệ kinh tế để giải quyết những vấn đề phức tạp trong thực tiễn hoạt động kinh tế</p> <p>PL04.2: Thành thạo trong lựa chọn, thực hiện chính xác, hiệu quả các quy phạm pháp luật kinh tế trong thực tiễn quản lý và hoạt động kinh tế.</p> <p>PL04.3: Thành thạo kỹ năng cung cấp dịch vụ pháp lý, tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực kinh tế có nhiều biến động.</p>	<p>học và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp</p> <p>- Chuyên gia thực hành pháp luật về kinh tế tại các cơ quan tư pháp, hỗ trợ tư pháp hoặc hành nghề độc lập như: thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, công chứng viên, đấu giá viên, chấp hành viên, trọng tài viên, thừa phát lại...</p> <p>- Chuyên gia làm công tác tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về kinh tế cho các cơ quan, tổ chức như: Quốc hội, Chính phủ, Bộ, ngành; Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp; các tập đoàn, công ty, hợp tác xã thuộc các thành phần kinh tế; tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội – nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ...</p> <p>- Tham gia giảng dạy đào tạo kiến thức ứng dụng về pháp luật kinh tế tại các cơ sở đào tạo, các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật.</p>	
--	--	--	--

	<p><i>PLO4.4: Thành thạo kỹ năng hỗ trợ, kỹ năng mềm cần thiết cho việc thực hành luật kinh tế.</i></p> <p>PLO5: Sáng tạo kỹ năng đề xuất giải pháp hoàn thiện những nội dung luật kinh tế còn bất cập trên cơ sở đánh giá toàn diện hệ thống luật kinh tế.</p> <p><i>PLO5.1: Sáng tạo kỹ năng trong đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về đất đai, môi trường, tài chính, ngân hàng, kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, ...phù hợp với tiến trình phát triển nền kinh tế.</i></p> <p><i>PLO5.2: Sáng tạo kỹ năng trong đề xuất quy trình xây dựng, hoàn thiện luật kinh tế, khắc phục những bất cập trong các quy định hiện hành điều chỉnh các quan hệ kinh tế.</i></p> <p>PLO6:Sáng tạo kỹ năng độc lập nghiên cứu khoa học pháp lý để tiếp tục tự đào tạo, phát triển năng lực cá nhân.</p> <p><i>PLO6.1: Sáng tạo kỹ năng đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực luật kinh tế trên cơ sở đánh giá toàn diện về pháp</i></p>	

		<p>luật và thực hiện luật kinh tế trong quản lý, hoạt động kinh tế.</p> <p>PLO6.2: Sáng tạo kỹ năng tư duy phản biện trên nền khoa học luật kinh tế và khoa học kinh tế để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.</p> <p>Mức độ năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>PLO7: Thể hiện được ý thức tổ chức kỉ luật, đạo đức khoa học, tự chủ, chịu trách nhiệm, ứng xử chuyên nghiệp phù hợp trong hoạt động chuyên môn. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân phù hợp với nhiều vị trí việc làm trong lĩnh vực luật kinh tế.</p> <p>PLO8: Tổ chức làm việc độc lập với làm việc tập thể trong những điều kiện, môi trường biến động. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm, với xã hội về các hoạt động tư vấn, thực hành luật kinh tế.</p> <p>PLO9: Tổ chức dẫn dắt về mặt chuyên môn và khả năng phát huy trí tuệ tập thể tại nơi làm</p>	
--	--	--	--

		việc để xử lý những vấn đề thực tiễn từ đơn giản đến phức tạp một cách hiệu quả; Sẵn sàng chủ động dự báo xu hướng phát triển của nền kinh tế, của luật kinh tế để thực hiện trách nhiệm đối với các đề xuất.		
6	Khối lượng kiến thức toàn khóa	<p>Khối lượng kiến thức toàn khóa: 61 tín chỉ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức chung: 7 tín chỉ; - Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ; - Kiến thức chuyên ngành: 24 tín chỉ <p>-Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ.</p>	<p>60 tín chỉ trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức chung: 14 tín chỉ (8 tín chỉ bắt buộc, 6 tín chỉ tự chọn) - Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 37 tín chỉ (18 tín chỉ bắt buộc, 12 tín chỉ tự chọn). - Thực tập chuyên môn: 07 tín chỉ - Đề án tốt nghiệp: 09 tín chỉ. 	<p>Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức chung: 9 tín chỉ; - Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành: 39 tín chỉ; + Kiến thức bắt buộc: 21 tín chỉ; + Kiến thức tự chọn: 18 tín chỉ; - Luận văn tốt nghiệp: 12 tín chỉ.
7	Các học phần trong Chương trình dạy học			
7.1	Khối kiến thức chung	<p>1. Triết học</p> <p>2. Phương pháp nghiên cứu khoa học</p>	<p><i>Bắt buộc</i></p> <p>1. Triết học</p> <p>2. Quản trị và quản lý</p>	<p>1. Triết học</p> <p>2. Tiếng Anh</p>

			<p>3. Phương pháp tư duy và lập luận pháp lý <i>Tư chọn</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Ngoại ngữ 5. Ngoại ngữ pháp lý 6. Xã hội học pháp luật 7. Kinh tế học pháp luật 8. Kỹ năng đàm phán 9. Luật so sánh ứng dụng 	
7.2	Kiến thức cơ sở ngành	<p><i>Bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Thực hiện pháp luật về tài sản trong kinh doanh 4. Tư vấn pháp luật về hợp đồng 5. Pháp luật về hoạt động thương mại 6. Luật So sánh ứng dụng <p><i>Tư chọn</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 7. Pháp luật về chủ thể kinh doanh 8. Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng trong kinh tế thị trường 9. Pháp luật về sở hữu trí tuệ 10. Thực hiện pháp luật về đầu tư kinh doanh 11. Kinh tế học 12. Quản lý nhà nước về kinh tế 	<p><i>Các học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Áp dụng pháp luật doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường 2. Áp dụng pháp luật trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng 3. Áp dụng pháp luật trong lĩnh vực lao động và an sinh xã hội 4. Áp dụng pháp luật trong lĩnh vực đất đai và bất động sản 5. Áp dụng pháp luật trong lĩnh vực môi trường 6. Áp dụng pháp luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. <p><i>Các học phần tư chọn thuộc kiến thức cơ sở ngành</i></p> <p>Những vấn đề pháp lý nâng cao của pháp luật thương mại</p> <p>Những vấn đề pháp lý nâng cao của pháp luật tài chính, ngân hàng</p> <p>Những vấn đề pháp lý nâng cao của</p>	<p><i>Bắt buộc</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Phương pháp phân tích luật và tư duy pháp lý hiện đại 4. Áp dụng luật doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập 5. Pháp luật về hợp đồng lao động trong hoạt động kinh doanh 6. Áp dụng luật thương mại quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá <p><i>Tư chọn</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 7. Áp dụng luật tài sản trong kinh doanh 8. Pháp luật ngân hàng và chứng khoán 9. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 10. Pháp luật về sở hữu

			<p>pháp luật an sinh xã hội Những vấn đề pháp lý nâng cao của pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản Những vấn đề pháp lý nâng cao của pháp luật môi trường</p>	<p>trí tuệ 11. Pháp luật thuế quốc tế 12. Kinh doanh quốc tế</p>
7.3	<p>Kiến thức chuyên ngành</p>	<p><i>Bắt buộc</i> 13. Thực hiện pháp luật lao động và an sinh xã hội của doanh nghiệp 14. Áp dụng pháp luật về đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh <i>Tự chọn</i> 15. <i>Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh</i> 16. <i>Tư vấn pháp luật tài chính, ngân hàng</i> 17. <i>Pháp luật hình sự kinh tế</i> 18. <i>Pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế</i> 19. <i>Pháp luật về phá sản doanh nghiệp</i> 20. <i>Pháp luật về thương mại điện tử</i> 21. Thực tiễn pháp luật quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh 22. Tư vấn pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh 23. Thực tiễn thực hiện pháp luật</p>	<p><i>Các học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành</i> 1. Áp dụng pháp luật về hợp đồng kinh doanh 2. Áp dụng pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 3. Thực tiễn pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh 4. Thực hành pháp luật thuế trong hoạt động kinh doanh 5. Thực trạng pháp luật về tài chính doanh nghiệp 6. Thực trạng pháp luật ngân hàng trong điều kiện công nghệ số 7. Thực trạng pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán và kinh doanh bảo hiểm 8. Tư vấn pháp luật về quản lý lao động trong doanh nghiệp 9. Tư vấn pháp luật về tiền lương và bảo hiểm xã hội trong doanh nghiệp 10. Tư vấn pháp luật về kinh doanh quyền sử dụng đất và nhà ở trong thị trường bất động sản</p>	<p><i>Bắt buộc</i> 13. Luật lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp 14. Pháp luật phá sản trong bối cảnh toàn cầu 15. Quản trị thay đổi <i>Tự chọn</i> 16. Áp dụng pháp luật đầu tư và kinh doanh BDS 17. Áp dụng pháp luật cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu 18. Tội phạm kinh tế 19. Áp dụng pháp luật về ngân hàng trong kinh doanh 20. WTO và các cam kết quốc tế 21. Quản trị rủi ro nâng cao</p>

		ASEAN của Việt Nam 24. Phân tích chính sách kinh tế	11. Tư vấn pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp đất đai 12. Tư vấn pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp kinh doanh bất động sản 13. Thực hành pháp luật về môi trường trong hoạt động kinh doanh 14. Áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp môi trường trong hoạt động kinh doanh	
7.4	Thực tập chuyên môn		Thực tập chuyên môn có khối lượng 07 tín chỉ, do người học thực hiện tại cơ quan, tổ chức khác và được đánh giá bằng hình thức viết bài thu hoạch và chấm/thuyết trình theo kế hoạch của Khoa chuyên môn. Kết quả thực tập chuyên môn được thể hiện trong bảng điểm các học phần của khóa học.	
7.5	Đề án tốt nghiệp	Đề án tốt nghiệp gồm 09 tín chỉ, đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định hiện hành	Đề án tốt nghiệp gồm 09 tín chỉ, đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định hiện hành	Luận văn tốt nghiệp: 12 tín chỉ

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 4 Mối quan hệ giữa các khối học phân với chuẩn đầu ra của CTĐT

Các khối học phân	Số TC	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		
			1.1		1.2		1.3		2.1		2.2		2.3		3.1	3.2	3.3				
			1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.3.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.3.1	2.3.2			
Kiến thức chung	7	11,5%	x	x																	
Kiến thức cơ sở ngành	21	34,4%		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x								
Kiến thức chuyên ngành	24	39,3%													x	x	x	x	x	x	x
Đề án tốt nghiệp	9	14,7%	x	x	x																
Tổng	61	100%																			

6.2. Danh sách học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
I. Khối kiến thức chung						
1	LKT8001	Triết học	4	30	15	90
2	LKT8003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	30	15	90
II. Khối kiến thức cơ sở ngành						
		<i>Bắt buộc</i>				
3	LKT8004	Thực hiện pháp luật về tài sản trong kinh doanh	3	30	15	90
4	LKT8005	Tư vấn pháp luật về hợp đồng	3	30	15	90
5	LKT8006	Pháp luật về hoạt động thương mại	3	30	15	90
6	LKT8007	Luật So sánh ứng dụng	3	30	15	90
		<i>Tự chọn</i>				
7	LKT8008	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	30	15	90
8	LKT8009	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng trong kinh tế thị trường	3	30	15	90
9	LKT8010	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3	30	15	90
10	LKT8035	Thực hiện pháp luật về đầu tư kinh doanh	3	30	15	90
11	LKT8036	Kinh tế học	3	30	15	90
12	LKT8037	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	30	15	90
III. Khối kiến thức chuyên ngành						
		<i>Bắt buộc</i>				
13	LKT8014	Thực hiện pháp luật lao động và an sinh xã hội của doanh nghiệp	3	30	15	90
14	LKT8015	Áp dụng pháp luật về đất đai và môi trường trong hoạt động kinh	3	30	15	90

		doanh				
		Tự chọn				
15	LKT8016	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	3	30	15	90
16	LKT8017	Tư vấn pháp luật tài chính, ngân hàng	3	30	15	90
17	LKT8018	Pháp luật hình sự kinh tế	3	30	15	90
18	LKT8019	Pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế	3	30	15	90
19	LKT8020	Pháp luật về phá sản doanh nghiệp	3	30	15	90
20	LKT8021	Pháp luật về thương mại điện tử	3	30	15	90
21	LKT8031	Thực tiễn pháp luật quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh	3	30	15	90
22	LKT8032	Tư vấn pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh	3	30	15	90
23	LKT8033	Thực tiễn thực hiện pháp luật ASEAN của Việt Nam	3	30	15	90
24	LKT8034	Phân tích chính sách kinh tế	3	30	15	90
IV. Tốt nghiệp						
25	LKT8030	Đề án tốt nghiệp	9			

6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 5

T	Mã HP	Tên học phần	PLO1						PLO2						PLO3						
			1.1			1.2			1.3		2.1				2.2		2.3		3.1	3.2	3.3
			1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.	1.2.2	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.3.1	2.3.2	2.3.3			
1	LKT8001	Triết học	K3															A4			
2	LKT8003	Phương pháp nghiên cứu khoa học		K4											S4	S4					
3	LKT8004	Thực hiện pháp luật về tài sản trong kinh doanh					K4								S4						
4	LKT8005	Tư vấn pháp luật về hợp đồng					K4														
5	LKT8006	Pháp luật về hoạt động thương mại					K4						S4	S4							
6	LKT8007	Luật So sánh ứng dụng															S5			A4	
7	LKT8008	Pháp luật về chủ thể kinh doanh					K4											S5	A4		
8	LKT8009	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng trong kinh tế thị trường					K4										S5			A4	
9	LKT8010	Pháp luật về sở hữu trí tuệ					K4													A4	

		thương mại điện tử																	
21	LKT8031	Thực tiễn pháp luật quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh		K4		K5											S5	A4	
22	LKT8032	Tư vấn pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh	K4		K5			S4										A4	
23	LKT8033	Thực tiễn thực hiện pháp luật ASEAN của Việt Nam		K4									S4						A4
24	LKT8034	Phân tích chính sách kinh tế			K5										S5			A4	
29		Đề án tốt nghiệp	K4		K5			S4						S5			S5	A4	A4

6.4. Kế hoạch dạy học

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra	Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/Thảo luận	Tư học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra		Tiên quyết	Học trước	Song hành
1	18	1	LKT8001	Triết học	4	42	18	120				

2	LKT8003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	30	15	90		
3	LKT8004	Thực hiện pháp luật về tài sản trong kinh doanh	3	30	15	90		
4	LKT8005	Tư vấn pháp luật về hợp đồng	3	30	15	90		
5	LKT8006	Pháp luật về hoạt động thương mại	3	30	15	90		
6	LKT8007	Luật So sánh ứng dụng	3	30	15	90		
7	LKT8008	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	3	30	15	90		
8	LKT8009	Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng trong kinh tế thị trường	3	30	15	90		
9	LKT8010	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3	30	15	90		
10	LKT8014	Thực hiện pháp luật lao động và an sinh xã hội của doanh nghiệp	3	30	15	90		
11	LKT8015	Áp dụng pháp luật về đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh	3	30	15	90		
12	LKT8016	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	3	30	15	90		
13	LKT8017	Tư vấn pháp luật tài chính, ngân hàng	3	30	15	90		
2			21					

3	21	18	LKT8030	Đề án tốt nghiệp	9															
		17	LKT8021	Pháp luật về thương mại điện tử	3	30	15	90												
		16	LKT8020	Pháp luật về phá sản doanh nghiệp	3	30	15	90												
		15	LKT8019	Pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế	3	30	15	90												
		14	LKT8018	Pháp luật hình sự kinh tế	3	30	15	90												

6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập

Hướng dẫn: Khái quát các chiến lược giảng dạy và học tập chủ yếu của CTĐT (yêu cầu bám sát vào đề cương chi tiết học phần).

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra, thể hiện trong Bảng 6

Bảng 6. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT và phương pháp dạy-học

Chiến lược và phương pháp dạy học	PLOs																											
	1.1			1.2			1.3			2.1			2.2			2.3			3.1			3.2			3.3			
	1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.3.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.3.1	2.3.2	2.3.3	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	3.6	3.7		
Thuyết giảng	x	x	x	x	x		x	x	x																			
Tình huống																												
Tranh biện	x	x	x	x	x																							
Thảo luận	x	x	x	x	x																							
Làm việc nhóm	x	x	x	x	x																							
Diễn án – đóng vai																												
Tự nghiên cứu	x	x	x	x	x																							

(Hướng dẫn: Đánh dấu x vào các mục tương ứng)

6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá

Bảng 7. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo																		
	1.1			1.2			1.3			2.1			2.2		2.3		3.1	3.2	3.3
	1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.3.1	1.3.2	1.3.3	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.3.1	2.3.2			
Kiểm tra thường xuyên																			
Kiểm tra giữa học phần	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập nhóm			X	X					X	X	X	X	X	X	X	X			
Tiểu luận				X		X											X	X	X
Thi kết thúc học phần																			
Tự luận/Bán trắc nghiệm	X	X	X			X			X	X	X	X	X	X	X	X			
Tiểu luận				X	X	X											X	X	X

{Trình bày rubrics đánh giá cơ bản của chương trình, ví dụ rubrics đánh giá khóa luận (do bộ môn quản lý chương trình xây dựng} ...

7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

7.1. Học phần Triết học

Mã học phần:, Số tín chỉ: 04, Loại học phần: Chung

a) Mô tả học phần:

Nội dung môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3*: Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7*: Ý thức xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Biết những tri thức cơ bản nhất về bản thể luận

CLO2: Hiểu những lý luận cốt lõi về phép biện chứng; nhận thức luận

CLO3: Nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

CLO4: Phân tích, giải thích về triết học chính trị; ý thức xã hội; triết học về con người và liên hệ vận dụng trong công việc và đời sống

7.2. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chung

a) Mô tả học phần:

Đây là môn học bắt buộc, đào tạo kiến thức lý luận chuyên sâu, toàn diện về pháp luật tài sản ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Sau khi hoàn tất môn học này, học viên hiểu biết về: Chế độ pháp lý về tài sản và các loại tài sản, nhất là quyền sử dụng đất, Chế độ pháp lý về sở hữu tài sản, các hình thức sở hữu, Chế độ pháp lý về giao dịch tài sản: mua bán, góp vốn, thế chấp, cầm cố. Sau khi giới thiệu sở hữu và các khái niệm vật quyền, các quyền của chủ sở hữu, môn học này sẽ tập trung vào các quyền năng cụ thể của người sử dụng đất theo pháp luật Việt Nam, có so sánh với pháp luật Trung Hoa, Úc và các quốc gia khác như pháp luật Hoa Kỳ, CH Pháp và một số quốc gia Châu Âu.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được những kiến thức pháp lý về tài sản, quyền tài sản trong hệ thống pháp luật để giải quyết được những tình huống pháp lý phát sinh trong nền kinh tế trong và ngoài nước liên quan tới tài sản và các quyền tài sản.

CLO2: Đánh giá được thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam và áp dụng để giải quyết các yêu cầu trong thực tiễn thực hiện pháp luật, đề xuất những giải pháp hoàn thiện luật kinh tế và nâng cao hiệu quả thực hiện trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời so sánh với các quy định về tài sản của một số quốc gia khác trên thế giới

CLO3: Kết hợp được lý thuyết chuyên sâu của pháp luật về tài sản, quyền tài sản với bản chất của quan hệ kinh tế để giải quyết những vấn đề phức tạp trong thực tiễn hoạt động kinh tế

CLO4: Thể hiện được ý thức tổ chức kỉ luật, đạo đức khoa học, tự chủ, chịu trách nhiệm, ứng xử chuyên nghiệp phù hợp trong hoạt động chuyên môn. Người học

tự lựa chọn, định hướng phát triển năng lực cá nhân phù hợp với nhiều vị trí việc làm trong lĩnh vực luật kinh tế.

(Hướng dẫn: Lấy thông tin từ mô tả học phần và chuẩn đầu ra học phần trong đề cương chi tiết; ghi rõ tổng số tín chỉ của học phần, số tín chỉ lý thuyết, thực hành; ví dụ 3(2,1); loại học phần bắt buộc hay tự chọn)

7.3. Thực hiện pháp luật về tài sản trong kinh doanh

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần:

a) Mô tả học phần: Đây là môn học bắt buộc, đào tạo kiến thức lý luận chuyên sâu, toàn diện về pháp luật tài sản ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. Sau khi hoàn tất môn học này, học viên hiểu biết về: Chế độ pháp lý về tài sản và các loại tài sản, nhất là quyền sử dụng đất, Chế độ pháp lý về sở hữu tài sản, các hình thức sở hữu, Chế độ pháp lý về giao dịch tài sản: mua bán, góp vốn, thế chấp, cầm cố. Sau khi giới thiệu sở hữu và các khái niệm vật quyền, các quyền của chủ sở hữu, môn học này sẽ tập trung vào các quyền năng cụ thể của người sử dụng đất theo pháp luật Việt Nam, có so sánh với pháp luật Trung Hoa, Úc và các quốc gia khác như pháp luật Hoa Kỳ, CH Pháp và một số quốc gia Châu Âu.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được những kiến thức pháp lý về tài sản, quyền tài sản trong hệ thống pháp luật để giải quyết được những tình huống pháp lý phát sinh trong nền kinh tế trong và ngoài nước liên quan tới tài sản và các quyền tài sản.

CLO2: Đánh giá được thực trạng hệ thống pháp luật Việt Nam và áp dụng để giải quyết các yêu cầu trong thực tiễn thực hiện pháp luật, đề xuất những giải pháp hoàn thiện luật kinh tế và nâng cao hiệu quả thực hiện trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời so sánh với các quy định về tài sản của một số quốc gia khác trên thế giới.

CLO3: Kết hợp được lý thuyết chuyên sâu của pháp luật về tài sản, quyền tài sản với bản chất của quan hệ kinh tế để giải quyết những vấn đề phức tạp trong thực tiễn hoạt động kinh tế

CLO4: Thể hiện được ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức khoa học, tự chủ, chịu trách nhiệm, ứng xử chuyên nghiệp phù hợp trong hoạt động chuyên môn. Người học tự lựa chọn, định hướng phát triển năng lực cá nhân phù hợp với nhiều vị trí việc làm trong lĩnh vực luật kinh tế.

7.4. Tư vấn pháp luật về hợp đồng

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần:

a) Mô tả học phần:

Đây là môn học bắt buộc, được tổ chức giảng dạy ngay từ học kỳ thứ hai, kéo dài 16 tuần, mỗi tuần một buổi giảng. Môn học này kết hợp giảng trên lớp, thảo luận, tìm kiếm tư liệu từ các cơ quan nhà nước, trên mạng. Môn học trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về hợp đồng nhằm rèn luyện cho học viên các kỹ năng soạn thảo, đánh giá, phân tích hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại. Đồng thời, môn học cũng định hướng cho học viên những kiến thức về pháp luật hợp đồng của các nước trên thế giới trong quan hệ so sánh với pháp luật hợp đồng của Việt Nam. Từ đó, học viên có thể vận dụng các kiến thức về pháp luật hợp đồng để thực hiện việc soạn thảo, ký kết, thực hiện và xử lý tranh chấp hợp đồng để thực hiện đúng quy định của pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Vận dụng các quy định của pháp luật có thể đàm phán các điều khoản trước khi ký kết hợp đồng.

CLO2: Vận dụng quy định của pháp luật để có thể kiểm tra, đánh giá tính pháp lý của hợp đồng phù hợp với Luật pháp quốc gia, Luật pháp quốc tế

CLO3: Soạn thảo được các hợp đồng thông dụng đặc biệt là hợp đồng thương mại quốc tế.

CLO4: Vận dụng pháp luật về hợp đồng vận dụng trong quá trình thực hiện, xử lý tranh chấp hợp đồng.

CLO5: Có kỹ năng tư vấn cho các doanh nghiệp khi đầu tư, ký kết các loại hợp đồng hợp tác kinh doanh trong và ngoài nước.

7.5. Pháp luật về hoạt động thương mại

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Cơ sở ngành

a) Mô tả học phần:

Môn học giúp học viên hiểu những quy định của pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm về thương nhân và các hoạt động thương mại; Các hoạt động thương mại cụ thể; Quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; Các chế tài trong hoạt động thương mại.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật hoạt động thương mại

CLO2: Nắm vững kiến thức lý luận về thương mại để xác lập được các giao dịch thương mại một cách hợp pháp.

CLO3: Vận dụng kiến thức bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của thương nhân khi bị xâm hại.

CLO4: Có nền tảng lý luận về pháp luật thương mại để nghiên cứu khoa học từ đó đóng góp ý kiến hoàn thiện pháp luật.

CLO5: Tư vấn cho các chủ thể khi tham gia hoạt động thương mại những kiến thức pháp lý giúp ích cho hoạt động kinh doanh thương mại.

7.6. Luật So sánh ứng dụng

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Cơ sở ngành

a) Mô tả học phần:

Luật so sánh ứng dụng là học phần cung cấp kiến thức lý luận và thực tiễn về những ứng dụng của luật học so sánh trong rất nhiều hoạt động từ nghiên cứu và giảng dạy khoa học luật tới xây dựng pháp luật và hành nghề luật. Nội dung của học phần này được thiết kế bao gồm các vấn đề chung về luật so sánh ứng dụng và hai mảng ứng dụng cụ thể của luật so sánh là ứng dụng trong hoạt động lập pháp và trong hoạt động tư pháp. Với mục đích trang bị cho người học kiến thức và phương pháp sử dụng luật so sánh như một công cụ thực hiện các hoạt động thực tiễn phong phú của nghề luật, học phần sẽ cung cấp các nội dung và hướng dẫn thực hành các cách thức, kỹ năng của luật so sánh ứng dụng. Học phần còn cung cấp nội dung về thực tiễn sử dụng luật so sánh trong hoạt động lập pháp và tư pháp trên thế giới và ở Việt Nam để người học được tiếp cận vấn đề một cách sinh động và có tính thực tế, từ đó tư duy để áp dụng trong hoạt động nghề luật của mình.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Hiểu được bản chất của luật so sánh ứng dụng và các ứng dụng cụ thể của luật so sánh trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học pháp lý và đặc biệt là trong các hoạt động của nghề luật mà nổi bật là trong hoạt động lập pháp và tư pháp.

CLO2: Vận dụng được kiến thức lý luận và thực tiễn về luật so sánh ứng dụng để có những nhận diện chính xác về ứng dụng của luật so sánh và tiến hành những thực nghiệm sử dụng luật so sánh trong hoạt động lập pháp và tư pháp.

CLO3: Nhận xét, đánh giá được hiệu quả của những ứng dụng của luật so sánh trong thực tiễn, đặc biệt là hiệu quả của việc sử dụng luật so sánh trong các hoạt động lập pháp và tư pháp cụ thể.

CLO4: Áp dụng được các phương pháp của luật so sánh ứng dụng trong thực tiễn nghề nghiệp pháp lý.

CLO5: Áp dụng được các kỹ năng so sánh pháp luật để thực hiện các ứng dụng của luật so sánh như kỹ năng tìm kiếm hệ thống pháp luật thích hợp, kỹ năng tìm kiếm nguồn luật, kỹ năng tìm kiếm nguồn tài liệu về pháp luật nước ngoài, kỹ năng so sánh và đối chiếu, ...

CLO6: Áp dụng được các kỹ năng tư duy pháp lý (trong đó có tư duy phản biện), kỹ năng phân tích quy phạm pháp luật, kỹ năng tìm lỗ hổng/khoảng trống pháp luật, các kỹ năng cấy ghép pháp luật.

CLO7: Hình thành được sự say mê, hứng thú, ham khám phá và có trách nhiệm trong quá trình học tập, nghiên cứu luật học nói chung và luật so sánh ứng dụng nói riêng.

CLO8: Nâng cao được ý thức của người học với tư cách là luật gia và người hành nghề luật đối với việc cải cách pháp luật và cải cách tư pháp vì mục tiêu hài hòa và thống nhất pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ.

7.7. *Pháp luật về chủ thể kinh doanh*

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Cơ sở ngành

a) Mô tả học phần:

Môn học pháp luật về chủ thể kinh doanh được cấu trúc bởi 2 mảng kiến thức: kiến thức lý luận chung về pháp luật doanh nghiệp và mảng kiến thức về tổ chức từng loại hình doanh nghiệp. Những kiến thức lý luận, thực tiễn và kỹ năng được cung cấp sẽ rất hữu ích cho học viên để có thể áp dụng trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn pháp luật về thành lập và quản trị doanh nghiệp, giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực tổ chức và quản trị doanh nghiệp.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật chủ thể kinh doanh

CLO2: Nắm vững các loại hình doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức, thành lập, hoạt động, giải thể, phá sản để từ đó lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp.

CLO3: Có kỹ năng tư vấn cho các doanh nghiệp loại hình kinh doanh phù hợp với thực tế.

CLO4: Có nền tảng lý luận để nghiên cứu khoa học về pháp luật chủ thể kinh doanh, từ đó đóng góp những điểm mới góp phần hoàn thiện pháp luật.

CLO5: Có kỹ năng giải quyết các vụ việc thực tế liên quan đến chủ thể kinh doanh

7.8. *Pháp luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng trong kinh tế thị trường*

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Cơ sở ngành

a) Mô tả học phần: Môn học này nghiên cứu các nguyên tắc kinh tế, pháp lý của luật cạnh tranh Việt Nam trong tầm nhìn so sánh với pháp luật cạnh tranh của một số nước phát triển. Kiến thức về các vấn đề sau được trang bị để sinh viên đào sâu nghiên cứu: Chính sách và quy định về chống hạn chế cạnh tranh của luật cạnh tranh Việt Nam trong tương quan so sánh với pháp luật cạnh tranh của EU và Hoa Kỳ, bao gồm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, độc quyền và tập trung kinh tế; Hành vi cạnh tranh không lành mạnh, so sánh với các quy định chống cạnh tranh không lành mạnh của Trung Quốc, EU; Bảo vệ người tiêu dùng dưới góc độ luật cạnh tranh, so sánh với pháp luật bảo vệ người tiêu dùng của Hoa Kỳ, EU; Tổ tụng cạnh tranh Việt Nam và mô hình quản lý cạnh tranh của Hoa Kỳ, EU.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng.

CLO2: Am hiểu thị trường thông qua nắm vững kiến thức về hoạt động cạnh tranh, từ đó bảo vệ cho các doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh chống lại hành vi cạnh tranh không lành mạnh, từ đó góp phần ổn định thị trường.

CLO3: Có kỹ năng tư vấn cho doanh nghiệp và người dân trong quá trình sản xuất kinh doanh, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng khi mua phải hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

CLO4: Có nền tảng kiến thức lý luận về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng để từ đó góp ý hoàn thiện pháp luật.

CLO5: Có kiến thức để bảo vệ chính mình trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

7.9. Pháp luật về sở hữu trí tuệ

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Cơ sở ngành

a) Mô tả học phần:

Pháp luật về sở hữu trí tuệ cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ. Môn học này trang bị kiến thức cho học viên ở cấp độ cao hơn bậc Đại học khi nghiên cứu những vấn đề lý luận, thực tiễn thực hiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, quản lý nhà nước về lĩnh vực này cũng như các biện pháp thực thi, giải quyết tranh chấp liên quan. Pháp luật sở hữu trí tuệ là môn học rất quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam và vì thế cần có những quy định tương thích, phù hợp với thông lệ quốc tế.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Giảng dạy, ôn tập những kiến thức cơ bản những vấn đề lý luận về sở hữu trí tuệ và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

CLO2: Đủ năng lực đánh giá, so sánh, phân tích, luận giải những vấn đề liên quan để giải quyết những tình huống, vụ việc, vấn đề cụ thể.

CLO3: Đủ năng lực để thực hiện các công việc có liên quan đến quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, giải quyết các vấn đề, vụ việc với tư cách của người tiến hành tố tụng, luật sư đối với vụ việc, vụ án trong lĩnh vực TMĐT

CLO4: Nhận biết, đánh giá thực trạng để tìm ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật SHTT trong thực tiễn và đáp ứng nhu cầu điều chỉnh pháp luật

CLO5: Có hiểu biết thấu triệt, chuyên sâu về pháp luật SHTT để xây dựng chính sách pháp luật, giảng dạy pháp luật SHTT

7.10. Thực hiện pháp luật về đầu tư kinh doanh

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Cơ sở ngành

a) Mô tả học phần: Học phần "*Thực hành pháp luật về đầu tư kinh doanh*" thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (học phần tự chọn), cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về đầu tư kinh doanh và pháp luật về đầu tư kinh doanh, kỹ năng thực hành pháp luật về đầu tư kinh doanh. Qua đó, Học viên sẽ đánh giá những thành tựu của quá trình thực hiện pháp luật đầu tư kinh doanh và phân tích những bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện pháp luật đầu tư kinh doanh đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã, đang và sẽ thực hiện các Hiệp định về đầu tư kinh doanh.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được các kiến thức chuyên sâu về hoạt động đầu tư kinh doanh, pháp luật về hoạt động đầu tư kinh doanh. Hiểu rõ thực trạng hệ thống pháp luật đầu tư kinh doanh ở Việt Nam và xu hướng phát triển.

CLO2: Phân tích, xác định được các nội dung của pháp luật về đầu tư kinh doanh: pháp luật về biện pháp đầu tư, về ưu đãi đầu tư, về thủ tục đầu tư, về hình thức đầu tư, thực hiện dự án đầu tư kinh doanh,...

CLO3: Tổng hợp kiến thức về đầu tư kinh doanh và pháp luật về đầu tư kinh doanh để nhận diện tranh chấp (nếu có) và đưa ra phương thức giải quyết.

CLO4: Kết hợp thành thạo giữa lý thuyết về pháp luật đầu tư kinh doanh và phát triển kỹ năng thu thập thông tin, tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề; Đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật đầu tư kinh doanh ở Việt Nam với xu hướng pháp triển để kiến nghị hoàn thiện.

CLO5: Phát triển kỹ năng xác định chính xác, tổng hợp để thực hành các nội dung pháp luật về đầu tư kinh doanh (biện pháp đầu tư, về ưu đãi đầu tư, về thủ tục đầu tư, về hình thức đầu tư, thực hiện dự án đầu tư kinh doanh,...).

CLO6: Phát triển kỹ năng nhận diện tranh chấp trong hoạt động đầu tư kinh doanh và giải quyết tranh chấp.

CLO7: Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, dẫn dắt về mặt chuyên môn và khả năng phát huy trí tuệ tập thể để giải quyết các vấn đề phát sinh trong đầu tư kinh doanh.

CLO8: Sẵn sàng chịu trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu khoa học, tổ chức và chịu trách nhiệm về kết quả. Có khả năng học tập suốt đời, có thể học tiếp lên bậc tiến sỹ.

7.11. Kinh tế học

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Cơ sở ngành

a) Mô tả học phần: Học phần "*Kinh tế học*" thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (học phần tự chọn), cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về bản chất, các nguyên lý vận động của kinh tế thị trường, hiểu được bản chất, hành vi của doanh nghiệp và khả năng điều tiết quản lý nền kinh tế từ phía nhà nước.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được các kiến thức chuyên sâu về kinh tế học, như: kinh tế thị trường, bản chất, các nguyên lý vận động của nền kinh tế, hành vi của doanh nghiệp và vai trò, khả năng điều tiết quản lý nền kinh tế từ phía nhà nước...

CLO2: Phân tích được tác động của các chính sách kinh tế của nhà nước, xác

định được các mô hình phản ánh hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức và của nền kinh tế thị trường, hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức và các chính sách công dưới góc độ kinh tế học.

CLO3: Tổng hợp được các kiến thức về kinh tế học để giải quyết được các tình huống pháp lý phát sinh trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

CLO4: Kết hợp thành thạo giữa lý thuyết về kinh tế học với phát triển kỹ năng xây dựng các mô hình phản ánh hoạt động của các doanh nghiệp và của nền kinh tế thị trường; sử dụng các mô hình trong phân tích đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp và tổ chức. Đánh giá hoạt động của nền kinh tế và tác động các chính sách kinh tế để kiến nghị hoàn thiện pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh tế.

CLO5: Phát triển kỹ năng vận dụng các nguyên lý vận động của nền kinh tế vào hoạt động nghề nghiệp và kinh doanh từ thực tiễn kinh tế thị trường ở Việt Nam

CLO6: Phát triển kỹ năng tư duy kinh tế trong tổ chức và hoạch định chính sách kinh tế, ứng dụng được lý thuyết, các mô hình kinh tế học vào phân tích hoạt động của nền kinh tế, tác động của các chính sách kinh tế của nhà nước với đời sống, xã hội dưới góc độ kinh tế học.

CLO7: Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, dẫn dắt về mặt chuyên môn và khả năng phát huy trí tuệ tập thể để giải quyết các vấn đề phát sinh trong đầu tư kinh doanh.

CLO8: Sẵn sàng chịu trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu khoa học, tổ chức và chịu trách nhiệm về kết quả. Có khả năng học tập suốt đời, có thể học tiếp lên bậc tiến sĩ.

7.12. Quản lý nhà nước về kinh tế

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Cơ sở ngành

a) Mô tả học phần:

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Trình bày được các vấn đề cơ bản của quản lý Nhà nước về kinh tế; Các quy luật, Nguyên tắc; Vai trò ; Chức năng; Công cụ; Phương pháp của Nhà nước trong quản lý kinh tế và xã hội

CLO2: Vận dụng được vào thực tiễn kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở Việt Nam.

CLO3: Ứng dụng được lý thuyết vào phân tích tác động của các chính sách, các công cụ và phương pháp quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế. Sáng tạo kỹ năng đề xuất giải pháp hoàn thiện những nội dung luật kinh tế còn bất cập trên cơ sở đánh giá thực trạng pháp luật.

CLO4: Đánh giá được hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức trong việc tận dụng các cơ hội vượt qua thách thức dưới góc độ tác động của quản lý Nhà nước về kinh tế. Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể tại nơi làm việc để xử lý những vấn đề thực tiễn từ đơn giản đến phức tạp một cách hiệu quả; Sẵn sàng chủ động dự báo xu hướng phát triển của nền kinh tế, của luật kinh tế để thực hiện trách nhiệm đối với các đề xuất.

7.13. Thực hiện pháp luật lao động và an sinh xã hội của doanh nghiệp

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chuyên ngành

a) Mô tả học phần: Đây là môn học tự chọn, việc học được thực hiện kết hợp các phương thức như: nghe giảng, tìm kiếm tư liệu, nghiên cứu phân tích, trao đổi thảo luận, tổng hợp, viết và trình bày về các nội dung của môn học. Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về hệ thống pháp luật lao động, an sinh xã hội của Việt Nam

trong mối quan hệ với các chủ thể, cũng như vai trò xã hội của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Người học tiếp cận pháp luật Việt Nam theo phương pháp so sánh trong bối cảnh hội nhập quốc tế, với kiến thức và kỹ năng cần thiết, để tìm kiếm, tra cứu, phân tích pháp luật cũng như lựa chọn các giải pháp pháp luật.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

7.14. Áp dụng pháp luật về đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chuyên ngành

a) Mô tả học phần: Môn học áp dụng pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh được cấu trúc bởi hai khối kiến thức: Kiến thức pháp luật về đất đai và kiến thức pháp luật về môi trường. Những kiến thức lý luận, thực tiễn và kỹ năng được cung cấp sẽ rất hữu ích cho học viên để có thể áp dụng trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn pháp luật, tham gia giải quyết các tranh chấp liên quan đến lĩnh vực đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Hiểu được các quy định của pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực đất đai và môi trường một cách đầy đủ và đúng đắn theo đúng ý tưởng của nhà làm luật

CLO2: Hiểu được lý do tại sao nhà làm luật lại quy định theo phương án như vậy mà không phải là phương án khác. Nắm chắc được những ưu điểm cũng như những hạn chế, bất cập của những quy định đó và có phương án phát huy tính ưu việt của quy định, hạn chế được những bất cập của các quy định đó.

CLO3: Có kỹ năng áp dụng pháp luật một cách chính xác và đúng đắn. Sử dụng kiến thức đã học có thể thực hiện tốt hoạt động tư vấn pháp luật trong đời sống xã hội.

CLO4: Có kỹ năng xây dựng pháp luật. Tham gia đóng góp vào các dự án luật, các văn bản dưới luật liên quan đến đất đai và môi trường để từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực này

CLO5: Cẩn thận, trung thực và tuân thủ tốt các quy định của pháp luật hoặc tham gia vào các dự án luật.

7.15. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chuyên ngành

a) Mô tả học phần: Học phần “Pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh” thuộc khối kiến thức chuyên ngành (học phần tự chọn), cung cấp cho học viên một số vấn đề lý thuyết về bản chất cốt lõi của tranh chấp trong kinh doanh, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, đặc biệt tranh chấp trong thương mại quốc tế. Các loại tranh chấp và các phương thức giải quyết tranh chấp.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được các kiến thức nâng cao về tranh chấp trong kinh doanh và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh. Hiểu rõ thực trạng hệ thống pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh ở Việt Nam và xu hướng phát triển.

CLO2: Phân tích, xác định được các nội dung của các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh: thương lượng, hoà giải, bằng trọng tài thương mại và

bằng Toà án.

CLO3: Tổng hợp kiến thức về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh có yếu tố nước ngoài để nhận diện và đưa ra phương thức giải quyết.

CLO4: Kết hợp thành thạo giữa lý thuyết về pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và phát triển kỹ năng thu thập thông tin, tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề; Đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh ở Việt Nam với xu hướng pháp triển để kiến nghị hoàn thiện.

CLO5: Phát triển kỹ năng xác định chính xác, tổng hợp để nhận diện bản chất của tranh chấp và đưa ra phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh: thương lượng/ hoà giải/ bằng trọng tài thương mại/ bằng Toà án.

CLO6: Phát triển kỹ năng nhận diện tranh chấp có yếu tố nước ngoài trong kinh doanh và giải quyết tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

CLO7: Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, dẫn dắt về mặt chuyên môn và khả năng phát huy trí tuệ tập thể để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

CLO8: Sẵn sàng chịu trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu khoa học, tổ chức và chịu trách nhiệm về kết quả. Có khả năng học tập suốt đời, có thể học tiếp lên bậc tiến sỹ.

7.16. Tư vấn pháp luật tài chính, ngân hàng

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần:

a) Mô tả học phần:

Học phần “Tư vấn pháp luật tài chính, ngân hàng” thuộc khối kiến thức chuyên ngành”, cung cấp cho học viên một số vấn đề lý thuyết nâng cao về pháp luật tài chính, ngân hàng và những đặc thù, những logic trong thực hành từng nội dung chủ yếu của pháp luật tài chính, ngân hàng; giúp học viên có kiến thức sâu để đánh giá hoạt động tài chính, ngân hàng, tư vấn pháp luật trong quá trình vận hành các khâu của hệ thống tài chính, trong đó có hoạt động ngân hàng. Qua đó, học viên có khả năng thực hiện, tư vấn thực hiện tốt các tình huống phát sinh trong hoạt động tài chính, ngân hàng theo pháp luật.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được các kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng; pháp luật tài chính, ngân hàng. Hiểu rõ thực trạng hệ thống pháp luật tài chính, ngân hàng ở Việt Nam và xu hướng phát triển.

CLO2: Phân tích, xác định được các nội dung của pháp luật tài chính công, pháp luật về nghiệp vụ của ngân hàng nhà nước, nghiệp vụ của ngân hàng thương mại để tư vấn

CLO3: Tổng hợp, xác định được các vi phạm pháp luật về tài chính, ngân hàng và chế tài xử lý.

CLO4: Kết hợp được những vấn đề lý luận để đánh giá chính xác thực trạng pháp luật về tài chính, ngân hàng ở Việt Nam trong xu hướng pháp triển và hội nhập quốc tế để đưa ra kiến nghị hoàn thiện.

CLO5: Phát triển kỹ năng xác định chính xác để tư vấn pháp luật về tài chính công, pháp luật về hoạt động của ngân hàng nhà nước và ngân hàng thương mại.

CLO6: Kết hợp được kết quả phân tích, đánh giá sự kiện pháp lý phát sinh vi phạm pháp luật tài chính, ngân hàng với chế tài để áp dụng chính xác.

CLO7: Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, dẫn dắt về mặt chuyên môn và khả năng

phát huy trí tuệ tập thể để giải quyết các vấn đề về tài chính, ngân hàng.

CLO8: Sẵn sàng chịu trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu khoa học, tổ chức và chịu trách nhiệm về kết quả tư vấn. Có khả năng học tập suốt đời, có thể học tiếp lên bậc tiến sỹ.

7.17. Pháp luật hình sự kinh tế

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chuyên ngành

a) Mô tả học phần: Đây là môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu cho học viên về một trong những lĩnh vực tội phạm phổ biến trong mọi quốc gia là tội phạm kinh tế. Loại tội phạm này bên cạnh những điểm chung giống như mọi tội phạm trong bất kỳ lĩnh vực nào thì còn có những điểm đặc thù, khác biệt do chính tính chất và các quy luật khách quan của các quan hệ quốc tế dưới tác động quản lý nhà nước quyết định và chi phối. Cụ thể như tội phạm kinh tế có những đặc điểm khác với tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của công dân hoặc xâm phạm sở hữu ở các góc độ về pháp luật hình sự, về tội phạm học và điều tra hình sự. Ngoài ra, quan hệ kinh tế ở mỗi quốc gia cụ thể, ở mỗi giai đoạn phát triển lịch sử cụ thể cũng có tác động ảnh hưởng rất khác nhau đến hiện tượng tội phạm này. Điều này đòi hỏi khách quan nhà nước phải có những chính sách hình sự phù hợp trong đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Thông qua các kiến thức đã học, người học có thể đưa ra những ý kiến, phân biện mang tính chuyên sâu về lĩnh vực hình sự kinh tế, góp phần nghiên cứu rõ nét hơn vấn đề này.

CLO2: Vận dụng quy định của pháp luật để có thể kiểm tra, đánh giá tính pháp lý của Luật pháp quốc gia phù hợp với Luật pháp quốc tế.

CLO3: Sử dụng các kiến thức đã học để đấu tranh phòng ngừa các tội phạm về kinh tế xảy ra trên thực tế, góp phần làm trong sạch môi trường kinh doanh.

CLO4: Vận dụng kiến thức đã học trong quá trình thực hiện, xử lý các vụ việc hình sự kinh tế.

CLO5: Có kỹ năng tư vấn cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước khi đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam tránh phạm phải các loại tội phạm về kinh tế.

7.18. Pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần:

a) Mô tả học phần: *Những kiến thức lý luận, thực tiễn và kỹ năng được cung cấp sẽ rất hữu ích cho học viên để có thể áp dụng trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn pháp luật, giải quyết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế (Luật thương mại/kinh doanh quốc tế) trong hoạt động kinh doanh.*

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được nội dung cơ bản của pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế.

CLO2: Đánh giá được thực trạng quy định của pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế.

CLO3: Sáng tạo trong việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế.

CLO4: Thành thạo giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp trong thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế.

CLO5: Thành thạo kỹ năng cung cấp dịch vụ pháp lý, tư vấn, phổ biến, giáo dục

pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế.

CLO6: Sáng tạo kỹ năng độc lập nghiên cứu khoa học pháp lý để tiếp tục tự đào tạo, phát triển năng lực cá nhân trong hội nhập kinh tế quốc tế.

CLO7: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định trong hội nhập kinh tế quốc tế.

CLO8: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong hội nhập kinh tế quốc tế.

7.19. Pháp luật về phá sản doanh nghiệp

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần:

a) Mô tả học phần: Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về phá sản doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, hệ thống pháp luật phá sản doanh nghiệp và thực trạng pháp luật phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam qua các quy định chung về phá sản, nộp đơn, thu lý đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản doanh nghiệp; xác định nghĩa vụ tài sản và các biện pháp bảo toàn tài sản; hội nghị chủ nợ và thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh; tuyên bố doanh nghiệp phá sản và thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản. Người học tiếp cận pháp luật phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam theo phương pháp so sánh trong bối cảnh hội nhập quốc tế, với kiến thức và kỹ năng cần thiết, để tìm kiếm, tra cứu, phân tích pháp luật cũng như lựa chọn các giải pháp thực hiện pháp luật về phá sản doanh nghiệp, góp phần giảm nguy cơ phá sản doanh nghiệp/ giảm thiệt hại do phá sản doanh nghiệp.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được những lý luận về phá sản doanh nghiệp và pháp luật về phá sản doanh nghiệp

CLO2: Sáng tạo trong phân tích, thực hiện quy định về nộp đơn, thu lý đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản doanh nghiệp; hội nghị chủ nợ

CLO3: Sáng tạo trong phân tích, thực hiện các nghĩa vụ tài sản, các biện pháp bảo toàn tài sản và vấn đề phục hồi hoạt động kinh doanh

CLO4: Sáng tạo trong phân tích, thực hiện các trường hợp tuyên bố phá sản doanh nghiệp và thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản

CLO5: Có năng lực tổ chức thực hiện sáng tạo, linh hoạt pháp luật về phá sản doanh nghiệp vào thực tiễn cũng như góp phần vào quá trình hoàn thiện pháp luật phá sản doanh nghiệp ở Việt Nam

7.20. Pháp luật về thương mại điện tử

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chuyên ngành

a) Mô tả học phần: Môn học Pháp luật thương mại điện tử trang bị cho học viên những vấn đề lý luận về pháp luật TMĐT. Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật TMĐT như: Khái niệm, đặc điểm, đối tượng điều chỉnh, các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật TMĐT, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật TMĐT, khung pháp luật, giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử trong hoạt động TMĐT, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong TMĐT, thanh toán trung gian trong hoạt động TMĐT, cơ chế phối hợp giữ các chủ thể quản lý nhà nước.v.v.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Giới thiệu sơ lược về tổng quan Pháp luật TMĐT, các khái niệm, đặc điểm, đối tượng điều chỉnh, các nguyên tắc của PLTMĐT, chủ thể quản lý nhà nước,

các quan hệ pháp luật TMĐT, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia QHPL TMĐT.

CLO2: Đủ năng lực đánh giá, so sánh, phân tích, luận giải những vấn đề liên quan để giải quyết những tình huống, vụ việc, vấn đề cụ thể.

CLO3: Đủ năng lực để thực hiện các công việc có liên quan đến quản lý nhà nước về TMĐT, giải quyết các vấn đề, vụ việc với tư cách của người tiến hành tố tụng, luật sư đối với vụ việc, vụ án trong lĩnh vực TMĐT

CLO4: Nhận biết, đánh giá thực trạng để tìm ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật TMĐT trong thực tiễn và đáp ứng nhu cầu điều chỉnh pháp luật

CLO5: Có hiểu biết thấu triệt, chuyên sâu về pháp luật TMĐT để xây dựng chính sách pháp luật, giảng dạy pháp luật TMĐT

7.21. Thực tiễn pháp luật quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chuyên ngành

a) Mô tả học phần: Môn học Thực tiễn pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế định hướng ứng dụng, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về: quản trị nội bộ doanh nghiệp và pháp luật về quản trị doanh nghiệp; đánh giá thực trạng pháp luật về quản trị doanh nghiệp; thực tiễn thi hành pháp luật về quản trị doanh nghiệp.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Tổng hợp các kiến thức lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến và kiến thức liên ngành về thực tiễn pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh và những tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn để giải quyết trong thực tiễn thi hành pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh.

CLO2: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin về lĩnh vực pháp luật về quản trị doanh nghiệp trong kinh doanh và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn một cách hợp pháp và hiệu quả.

CLO3: Sáng tạo kỹ năng trong đề xuất quy trình xây dựng, hoàn thiện luật kinh tế, khắc phục những bất cập trong lĩnh vực pháp luật kinh tế để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn một cách hiệu quả

CLO4: Có khả năng tự định hướng, tự tổ chức làm việc độc lập và làm việc tập thể trong những điều kiện, môi trường biến động. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân phù hợp và trách nhiệm với nhóm, với xã hội về các hoạt động tư vấn, thực hành luật kinh tế.

7.22. Tư vấn pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chuyên ngành

a) Mô tả học phần: Học phần "*Tư vấn pháp luật về thuế trong hoạt động kinh doanh*" thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho học viên một số vấn đề lý thuyết nâng cao về thuế, pháp luật thuế và những đặc thù, những logic trong tư vấn từng nội dung chủ yếu của pháp luật thuế ở Việt Nam; giúp học viên có kiến thức sâu để vận dụng pháp luật trong quá trình thực hiện pháp luật thuế ở các cơ sở kinh doanh. Qua đó, học viên có khả năng thực hiện và tư vấn thực hiện tốt các tình huống phát sinh trong thực hiện nghĩa vụ thuế của mình hoặc cho khách hàng theo pháp luật.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Phân tích được các kiến thức chuyên sâu về thuế, bản chất của từng loại thuế trong hoạt động kinh doanh, pháp luật về thuế. Hiểu rõ thực trạng hệ thống pháp luật thuế, quản lý thuế ở Việt Nam và xu hướng phát triển; Tổng hợp kiến thức về quản lý thuế đối với từng sắc thuế và quản lý thuế trong quan hệ kinh tế quốc tế.

CLO2: Kết hợp thành thạo giữa lý thuyết về thuế, pháp luật thuế và phát triển kỹ năng thu thập thông tin, tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề; Phát triển kỹ năng xác định chính xác, tổng hợp đề tư vấn các nội dung pháp luật về từng sắc thuế; Đánh giá thực trạng hệ thống pháp luật thuế, quản lý thuế ở Việt Nam với xu hướng pháp triển để kiến nghị hoàn thiện.

CLO3: Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, dẫn dắt về mặt chuyên môn và khả năng phát huy trí tuệ tập thể để tư vấn pháp luật thuế trong hoạt động kinh doanh đáp ứng yêu cầu của khách hàng, yêu cầu thực tiễn; Chịu trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu khoa học, tổ chức và chịu trách nhiệm về kết quả tư vấn. Có khả năng học tập suốt đời, có thể học tiếp lên bậc tiến sĩ.

7.23. Thực tiễn thực hiện pháp luật ASEAN của Việt Nam

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chuyên ngành

a) Mô tả học phần:

Thực tiễn thực hiện pháp luật ASEAN là học phần cung cấp cho người học các kiến thức thực tiễn thực hiện pháp luật ASEAN của Việt Nam trong các lĩnh vực chính trị-an ninh, kinh tế và văn hoá - xã hội.

Học phần gồm 02 nhóm vấn đề chính: 1) Thực tiễn thực hiện pháp luật ASEAN trong lĩnh vực kinh tế của Việt Nam; 2) Thực tiễn thực hiện pháp luật ASEAN trong lĩnh vực an-ninh chính trị và văn hoá-xã hội của Việt Nam. Thông qua những vấn đề này, học phần cung cấp cho học viên kiến thức thực tiễn nội luật hoá các cam kết của Việt Nam về thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và đầu tư ASEAN; thực tiễn nội luật hoá các cam kết về nhân quyền ASEAN bao gồm bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em, bảo vệ quyền của lao động di trú. Ngoài ra học phần còn cung cấp các kiến thức thực tiễn ban hành chính sách, nội luật hoá các cam kết về phòng chống đưa người di cư trái phép, mua bán người và di chuyển qua biên giới bất hợp pháp; tương trợ tư pháp hình sự với các nước ASEAN trên cơ sở Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự ASEAN và dẫn độ tội phạm của Việt Nam trong khuôn khổ ASEAN.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Đánh giá được những kết quả Việt Nam đã đạt được và những hạn chế trong việc nội luật hoá các cam kết về thương mại hàng hoá, thương mại dịch vụ và đầu tư ASEAN.

Phân tích được thực tiễn ban hành chính sách, nội luật hoá các cam kết MÀ Việt Nam đã gia nhập với tư cách là thành viên ASEAN.

CLO2: Kỹ năng phân tích, tổng hợp đánh giá dữ liệu và thông tin về pháp luật ASEAN trong các lĩnh vực hợp tác cụ thể để đưa ra xử lý các vấn đề thực tiễn một cách hợp pháp và hiệu quả;

CLO3: Thể hiện được ý thức tổ chức kỉ luật, đạo đức khoa học, tự chủ, chịu trách nhiệm, ứng xử chuyên nghiệp phù hợp trong hoạt động chuyên môn. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi, cập nhật kiến thức và thực tiễn về ứng dụng pháp luật ASEAN;

7.24. Phân tích chính sách kinh tế

Mã học phần:, Số tín chỉ: 03, Loại học phần: Chuyên ngành

a) Mô tả học phần:

Học phần “*Phân tích chính sách kinh tế*” thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (học phần tự chọn), cung cấp cho học viên một số vấn đề lý thuyết nâng cao về phân tích chính sách kinh tế, nghiên cứu tác động tích cực và tiêu cực của phân tích chính sách kinh tế; những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trên cơ sở nghiên cứu những nét cơ bản về một số tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu như Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Tổ chức thương mại thế giới, học viên có kiến thức để đánh giá vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế của các nước thành viên. Đồng thời, nghiên cứu những quan điểm của Đảng về phân tích chính sách kinh tế để vận dụng trong quá trình hội nhập và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

CLO1: Tổng hợp được những vấn đề lý luận chuyên sâu về chính sách kinh tế, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, Nhà nước; những khái niệm, thuật ngữ, những lý thuyết cơ bản về chính sách kinh tế và phân tích chính sách kinh tế.

CLO2: Phân tích, đánh giá được tác động của chính sách kinh tế đối với nền kinh tế của các quốc gia và thực trạng chính sách kinh tế ở Việt Nam hiện nay

CLO3: Kiến nghị được các giải pháp hoàn thiện chính sách kinh tế trong tình hình hiện nay ở Việt Nam.

CLO4: Kết hợp thành thạo giữa lý thuyết với phát triển kỹ năng thu thập thông tin, sử dụng các công cụ, kỹ thuật phân tích, đánh giá chính sách kinh tế vào thực tiễn kinh doanh và hoạt động nghề nghiệp

CLO5: Đánh giá được thực trạng chính sách kinh tế của Trung ương và địa phương hiện nay, những cơ hội, thách thức đối với nền kinh tế của nước ta.

CLO6: Vận dụng đường lối, chính sách kinh tế của Đảng để sáng tạo trong đề xuất các giải pháp thực tiễn góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách kinh tế trong tình hình hiện nay.

CLO7: Sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, dẫn dắt về mặt chuyên môn và khả năng phát huy trí tuệ tập thể trong vận dụng chính sách kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

CLO8: Sẵn sàng chịu trách nhiệm trong học thuật, nghiên cứu khoa học, tổ chức và chịu trách nhiệm về quyết định trong hoạt động nghề nghiệp và kinh doanh. Có khả năng học tập suốt đời, có thể học tiếp lên bậc tiến sĩ.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Những căn cứ xây dựng và phát triển CTĐT:

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 về quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

8.2. Hướng dẫn học viên định hướng hoàn thành chương trình:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Trường Đại học Hòa Bình về đào tạo thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ:

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế được xây dựng trên cơ sở Bộ Chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có tham khảo một số chương trình đào tạo của các trường Đại học trong và ngoài nước khác.

Chương trình được thiết kế theo hướng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, gắn lý thuyết với thực tế. Bên cạnh đó, Chương trình được xây dựng theo định hướng ứng dụng, nhằm tăng cường sự tích cực, chủ động học tập của học viên, dành thời gian thích hợp cho học viên đi tiếp cận với thực tế, cập nhật kiến thức mới của chuyên ngành.

Chương trình được xây dựng cho 03 học kỳ học tập và 01 học kỳ thực hiện Đề án tốt nghiệp.

Học viên đủ điều kiện làm Đề án theo quy định của Nhà trường sẽ thực hiện làm Đề án trong thời gian 03 tháng với khối lượng kiến thức là 09 tín chỉ.

Trong quá trình học tập, học viên có thể xin học rút ngắn hoặc học kéo dài thời gian theo quy định của Bộ GD & ĐT và của Nhà trường.

Điều kiện tốt nghiệp tuân thủ quy chế đào tạo theo quy chế tín chỉ của trường Đại học Hòa Bình. Học viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Tổng lượng kiến thức của CTĐT là 61 tín chỉ bao gồm cả Đề án tốt nghiệp.

Công nhận tốt nghiệp: Những học viên hoàn thành chương trình học tập 61 tín chỉ tích lũy và đủ điều kiện theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ được Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét công nhận tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

8.3. Trách nhiệm của Bộ môn/Khoa/Trường

Để học viên hoàn thành tốt chương trình đào tạo, vào đầu mỗi khóa học, lãnh đạo khoa, giảng viên gặp gỡ học viên hướng dẫn, trao đổi với học viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT, điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, nội quy

học tập, phương thức đánh giá kết quả học tập từng loại học phần và toàn khóa học.

Để học viên tiếp thu tốt kiến thức, trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa/Nhà trường xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ, từng năm học và toàn khóa học thỏa mãn yêu cầu môn học, học phần tiên quyết, môn học, học phần học trước và học song song. Khoa, Bộ môn thường xuyên trao đổi với giảng viên phụ trách học phần về chuẩn bị bài giảng và dự giờ giảng.

Khoa và Nhà trường đảm bảo cơ sở vật chất cho việc thực hiện CTĐT: Trước mỗi học kỳ, Nhà trường có trách nhiệm bảo dưỡng, bổ sung trang thiết bị cho các phòng học, phòng thực hành trong trường.

8.4. Trách nhiệm của giảng viên/quản lý lớp, học viên

Đội ngũ quản lý lớp bám sát tinh thần học tập, khó khăn, nguyện vọng của học viên để có hướng giúp đỡ, hỗ trợ học viên kịp thời.

Học viên có trách nhiệm thực hiện tốt nội quy, quy chế học tập, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa của Nhà trường, của đoàn thể. Khi có khó khăn, học viên phản ánh ý kiến qua lớp, qua Quản lý lớp hoặc trực tiếp gặp lãnh đạo khoa, lãnh đạo Nhà trường để giảng viên, khoa, Nhà trường có thể giúp đỡ kịp thời, tạo điều kiện để học viên hoàn thành CTĐT đúng tiến độ. *uc*

Nơi nhận:

- CT HĐT (để báo cáo);
- Các PHT (để chỉ đạo);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các Khoa/ Bộ môn (để thực hiện);
- Công TTĐT của Trường (để thông báo);
- Lưu VT, P.ĐTĐH&SDH.



NGND.PGS.TS Tô Ngọc Hưng